

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22** /NQ-HĐND

*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2017*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thông qua Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên,**  
**giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 29/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với nội dung chủ yếu sau:

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Giải quyết việc làm cho người lao động nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và phát huy thế mạnh nguồn lực lao động vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động. Tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động có nhu cầu lao động đều có cơ hội tìm được việc làm, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp, góp phần giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Giai đoạn 2017 - 2020, số người lao động có việc làm tăng thêm đạt từ 60.000 lao động trở lên (Trung bình mỗi năm số người lao động có việc làm tăng thêm đạt từ 15.000 lao động trở lên). Trong đó:

- Thông qua vay vốn giải quyết việc làm cho khoảng 6.000 lao động (Trung bình mỗi năm 1.500 lao động).

- Xuất khẩu lao động cho 4.000 lao động (Trung bình mỗi năm 1.000 lao động).

- Thông qua việc thu hút vào làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, các dự án hoạt động thực hiện chính sách việc làm công, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác và tự tạo việc làm: 50.000 lao động trở lên (Trung bình mỗi năm khoảng 12.500 lao động trở lên).

b) Tư vấn chính sách việc làm và học nghề để 50% số người lao động đến Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh được giới thiệu tìm việc làm và 70% trong số đó có kết nối việc làm thành công.

c) Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động xuống dưới 1,5%, trong đó khu vực thành thị xuống dưới 2%.

### **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI**

**1. Đối tượng:** Người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Phạm vi:** Giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

**3. Thời gian:** Từ năm 2017 đến năm 2020.

### **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

1. Hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Hoạt động hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Hoạt động chính sách việc làm công.

4. Hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động.

5. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

#### **IV. GIẢI PHÁP**

##### **1. Thông tin, tuyên truyền, tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của tỉnh về giải quyết việc làm nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, người dân, doanh nghiệp về các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm để tạo việc làm, thu hút lao động vào làm việc.

##### **2. Thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh thông qua các hoạt động của Chương trình**

a) Hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề gắn với tạo việc làm: Căn cứ Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2030, tiếp tục triển khai các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thực hiện tốt công tác tư vấn, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng lao động khi kết thúc hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, phù hợp; tập trung nhân rộng các mô hình đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động.

b) Hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm: Tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay giải quyết việc làm hiện có từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm; sử dụng nguồn vốn của tỉnh cấp ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội và vốn từ các tổ chức, cá nhân về Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm; thực hiện lồng ghép giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện có nhằm ổn định, duy trì việc làm cho số lượng lao động đang có việc làm; thu hút nguồn nhân lực có chất lượng (sinh viên các trường cao đẳng, đại học tốt nghiệp ra trường) nhất là nhóm đối tượng thuộc hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho công tác xuất khẩu lao động theo quy định; nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ vay vốn của tỉnh để hỗ trợ cho nhóm đối tượng thiếu vốn hoặc không còn khả năng thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

d) Hoạt động chính sách việc làm công: Sử dụng lao động là người địa phương để làm các phần việc mà người địa phương thực hiện được khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình và dự án tại địa bàn cấp xã.

e) Hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động: Cập nhật thường xuyên thông tin cung, cầu lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch việc làm; đầu tư nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định.

g) Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình: Tổ chức các hoạt động truyền thông, thông tin thị trường lao động; tăng cường công tác giám sát, đánh giá các hoạt động của Chương trình.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động - việc làm; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình: 184.275 triệu đồng.

Trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 101.655 triệu đồng.
2. Ngân sách địa phương: 73.590 triệu đồng.
3. Các tổ chức, doanh nghiệp: 9.030 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

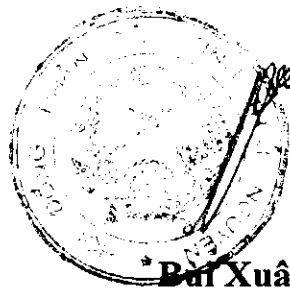
**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2017./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (Báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP HĐND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh (để đăng);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Xuân Hòa**

**PHỤ LỤC**  
**NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**GIẢI ĐOẠN 2017 - 2020**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Hoạt động của Chương trình	Giải đoạn 2017 - 2020	Dư nợ vốn vay giải quyết việc làm của giai đoạn trước chuyển sang	Năm			
				2017	2018	2019	2020
1	<b>Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm (Thông qua Quỹ quốc gia giải quyết việc làm)</b>	<b>159 675</b>	<b>91 675</b>	<b>17 000</b>	<b>17 000</b>	<b>17 000</b>	<b>17 000</b>
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>88 655</i>	<i>68 655</i>	<i>5 000</i>	<i>5 000</i>	<i>5 000</i>	<i>5 000</i>
	<i>Ngân sách địa phương (ủy thác qua Ngân hàng CSXH)</i>	<i>61 990</i>	<i>21 990</i>	<i>10 000</i>	<i>10 000</i>	<i>10 000</i>	<i>10 000</i>
	<i>Từ các tổ chức, doanh nghiệp ủy thác</i>	<i>9 030</i>	<i>1 030</i>	<i>2 000</i>	<i>2 000</i>	<i>2 000</i>	<i>2 000</i>
2	<b>Kinh phí Trung ương hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*)</b>	<b>5 000</b>		<b>1 250</b>	<b>1 250</b>	<b>1 250</b>	<b>1 250</b>
3	<b>Hỗ trợ phát triển thị trường lao động</b>	<b>19 200</b>		<b>4 300</b>	<b>4 300</b>	<b>5 300</b>	<b>5 300</b>
3.1	Đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	10 000		2 000	2 000	3 000	3 000
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>8 000</i>		<i>1 500</i>	<i>1 500</i>	<i>2 500</i>	<i>2 500</i>
	<i>Ngân sách địa phương</i>	<i>2 000</i>		<i>500</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>500</i>
3.2	Kinh phí địa phương hỗ trợ thu thập thông tin thị trường lao động	8 000		2 000	2 000	2 000	2 000
3.3	Kinh phí địa phương hỗ trợ tổ chức sản giao dịch việc làm, phiên chợ việc làm	1 200		300	300	300	300
4	<b>Kinh phí địa phương hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình</b>	<b>400</b>		<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

TT	Hoạt động của Chương trình	Giai đoạn 2017 - 2020	Dư nợ vốn vay giải quyết việc làm của giai đoạn trước chuyển sang	Năm			
				2017	2018	2019	2020
<b>Tổng cộng kinh phí</b>		<b>184 275</b>	<b>91 675</b>	<b>22 650</b>	<b>22 650</b>	<b>23 650</b>	<b>23 650</b>
A	Ngân sách Trung ương	101 655	68 655	7 750	7 750	8 750	8 750
B	Ngân sách địa phương	73 590	21 990	12 900	12 900	12 900	12 900
C	Từ các tổ chức, doanh nghiệp	9 030	1 030	2 000	2 000	2 000	2 000

(\*). Hoạt động hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đối tượng chính sách được hỗ trợ theo quy định tại ND61/2015/ND-CP: Dự kiến khoảng 1.000 người

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người lao động (mức hỗ trợ bình quân là 5 Tr.đồng/người): 1.000 người x 5 Tr.đồng/người = 5.000 Tr.đồng.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**